

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN
PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 27-9-2017

“V/v Tranh chấp ly hôn,
yêu cầu nuôi con ”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG - TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Huỳnh Tố Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Hoàng Diệu

2. Bà Ngô Thị Như Ý

- Thư ký phiên tòa: Ông Danh Văn An- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Vũ Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 61/2017/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2017 về việc: “Tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 142/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2017 giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1995.

Trú tại: ấp T, xã V, huyện P, tỉnh B.

Bị đơn: Anh Phạm Văn G, sinh năm 1983.

Trú tại: ấp T, xã V, huyện P, tỉnh B.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Huỳnh Thị D, sinh năm 1977.

Trú tại: ấp P, xã A, huyện Đ, tỉnh B.

(Chị Bích T vắng mặt đã có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Phạm Văn G vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày ngày 03 tháng 4 năm 2017 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích T trình bày: Chị xây dựng hôn nhân với anh Phạm Văn G vào năm 2013, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống vợ chồng chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, tính tình không còn hợp với nhau, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nữa nên chị yêu cầu ly hôn với anh Phạm Văn G. Vợ chồng chị có 01 người con chung là cháu Phạm Quỳnh G, sinh năm 13/01/2014, hiện cháu Quỳnh G

đang sống cùng với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi cháu Quỳnh G và chị không yêu cầu anh Phạm Văn G phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung theo Chị Bích T xác định chị và anh Phạm Văn G không có tài sản chung cũng như không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bị đơn anh Phạm Văn G trình bày: Về quan hệ hôn nhân, về con chung, về tài sản chung như Chị Bích T trình bày là đúng. Vợ chồng anh chung sống không có mâu thuẫn gì lớn mà chỉ cự cãi, xích mích nhỏ trong gia đình, tuy nhiên vợ chồng anh đã sống ly thân gần 02 năm nay. Nay Chị Bích T yêu cầu ly hôn với anh thì anh không đồng ý vì còn thương yêu vợ con nên anh yêu cầu được đoàn tụ. Trường hợp Tòa án giải quyết cho anh và Chị Bích T ly hôn thì anh yêu cầu được nuôi con, anh không yêu cầu Chị Bích T phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung anh và Chị Bích T không có tài sản chung cũng như nợ chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị D trình bày: bà là mẹ ruột của Chị Bích T, trong thời gian Chị Bích T đi làm thì bà trực tiếp chăm sóc cháu Quỳnh G, trong thời gian trên thì hàng tháng Chị Bích T về thăm con, chi phí sinh hoạt của cháu Quỳnh G là do Chị Bích T cung cấp, trong thời gian từ năm 2014 đến nay thì anh Phạm Văn G có đến 03 lần mục đích bắt cháu Quỳnh G, chứ không có đến thăm nom chăm sóc cháu Quỳnh G.

Về tài liệu, chứng cứ Tòa án đã thu thập được: Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn, giấy khai sinh cháu Phạm Quỳnh G, sổ hộ khẩu, giấy chứng minh nhân dân, đơn xin xác nhận nơi cư trú, thông báo về việc đăng ký tạm trú, bảng sao kê tài khoản của Ngân hàng, biên bản lấy lời khai của các bên đương sự, danh sách lương, hợp đồng lao động, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, công văn số 31 ngày 05/7/2017 của Phòng LĐTB&XH huyện Phước Long và công văn số 43 ngày 14/7/2017 của UBND xã V.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật. Các đương sự tham gia trong vụ án cũng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Chị Bích T vắng mặt tại phiên tòa tuy nhiên đã có đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt; Anh Phạm Văn G đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng anh Phạm Văn G vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị xét xử vắng mặt đối với Chị Bích T, anh Phạm Văn G.

Về nội dung: Chị Bích T và anh Phạm Văn G xây dựng hôn nhân vào năm 2013 và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nay xét thấy tình trạng hôn nhân của Chị Bích T và anh Phạm Văn G đã trầm trọng, không thể hàn gắn được nữa nên đề nghị căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của Chị Bích T đối với anh Phạm Văn G; Về con chung: Cả Chị Bích T và anh Phạm Văn G đều có yêu cầu nuôi cháu Phạm Quỳnh G và cả Chị Bích T và anh Phạm Văn G không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay cháu Quỳnh G đang trực tiếp sinh sống cùng Chị Bích T và cháu còn nhỏ, cần được sự chăm sóc giáo dục của người mẹ, vì vậy cần

cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị giao cháu Quỳnh G cho Chị Bích T nuôi dưỡng, giáo dục là hoàn toàn phù hợp, anh Phạm Văn G có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được quyền cản trở. Về tài sản chung: Chị Bích T và anh Phạm Văn G xác định anh chị không có tài sản chung và nợ chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngày 03 tháng 4 năm 2017 chị Nguyễn Thị Bích T có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Phạm Văn G, yêu cầu nuôi con chung. Cùng ngày Chị Bích T đã nộp tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật và Tòa án đã thụ lý giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phước Long. Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng. Chị Bích T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Anh Phạm Văn G đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng anh Phạm Văn G vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với Chị Bích T, anh Phạm Văn G.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bích T và anh Phạm Văn G xây dựng hôn nhân vào năm 2013 trên cơ sở tự nguyện không bị ai ép buộc, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương và có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Theo Chị Bích T xác định quá trình chung sống anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, hiện hôn nhân của chị và anh Phạm Văn G mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn được nữa, cuộc sống vợ chồng đã không còn hạnh phúc, đã ly thân khoảng 02 năm nay, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Văn G. Theo anh Phạm Văn G xác định anh còn thương Chị Bích T nên anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của Chị Bích T.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy: Anh Phạm Văn G và Chị Bích T không cùng nhau xây dựng gia đình, không yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ lẫn nhau, không cùng nhau xây dựng kinh tế gia đình, chung sống với nhau, vi phạm nghĩa vụ vợ chồng theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình. Từ đó có cơ sở xác định cuộc sống hôn nhân giữa Chị Bích T và anh Phạm Văn G đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, vì vậy căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của Chị Bích T đối với anh Phạm Văn G.

[4] Về quan hệ con chung: Chị Bích T và anh Phạm Văn G xác định vợ chồng có 01 người con chung tên Phạm Quỳnh G, sinh ngày 14/01/2014 hiện đang sống với Chị Bích T và anh chị đều có nguyện vọng được nuôi con chung khi ly hôn. Xét thấy cháu Quỳnh G từ khi sinh ra và đến nay sống với mẹ nhiều hơn nên tình cảm gắn bó, cháu Quỳnh G còn nhỏ nên cần sự chăm sóc của người mẹ và trong thời gian nuôi con Chị Bích T đã chăm sóc nuôi dạy rất chu đáo, do đó tránh làm xáo trộn đời sống cũng như tâm sinh lý của cháu Quỳnh G nên cần tiếp tục giao con cho Chị Bích T nuôi dưỡng khi ly hôn là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con chị Nguyễn Thị Bích T và anh Phạm Văn G xác định không đặt ra yêu cầu nên không xem xét giải quyết trong vụ án này. Hiện cháu Quỳnh G đang chung sống với Chị Bích T, bà Huỳnh Thị D không còn

trực tiếp chăm sóc cháu Quỳnh G, từ đó bà Diễm không còn là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[5] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị Bích T và anh Phạm Văn G không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc Chị Bích T phải nộp 300.000đ.

Từ những nhận định trên xét đề nghị của đại viện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các điều 28, 35, 227, 228, 266, 271, 273 và Điều 322 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 9, 19, 56, 58, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Bích T và anh Phạm Văn G.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung cháu Phạm Quỳnh G, sinh ngày 14/01/2014 cho chị Nguyễn Thị Bích T tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Phạm Văn G không cấp dưỡng nuôi con vì Chị Bích T không có yêu cầu.

Anh Phạm Văn G có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở.

3. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Bích T và anh Phạm Văn G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bích T phải chịu tiền án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng); Chị Bích T đã nộp tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003035 ngày 03/4/2017 của Cơ quan thi hành án dân sự huyện Phước Long, đối trừ Chị Bích T đã nộp đủ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án theo Điều 6; quyền và nghĩa vụ theo các Điều 7, 7a, 7b; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận

- TAND tỉnh Bạc Liêu
- CQTHA huyện Phước Long
- VKSND huyện Phước Long
- Các đương sự
- Lưu

Hồ Huỳnh Tố Hiền